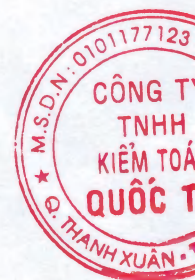


CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÁI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Chủ tịch
Ông Lưu Tuấn Anh	Thành viên
Ông Đinh Văn Thọ	Thành viên
Ông Lưu Minh Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Hoan	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc (tạm nghỉ từ ngày 01/07/2023)
Ông Lê Văn Sinh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20/07/2023)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên
Ông Vũ Doãn Quân	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lưu Huy Hà – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Hoan

Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 12 tháng 03 năm 2024

Số: 031203/2024/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hoàng Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 03 năm 2024, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tái chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền 50.211.252.502 đồng, lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 235.712.178.540 đồng. Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2023 đang âm 13.513.726.861 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh trên.



Nguyễn Hoàng Giang
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2021-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2024

Đặng Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5169-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.116.287.657	7.684.670.895
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		281.614.602	267.093.417
1. Tiền	111	V.1	281.614.602	267.093.417
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.822.967.779	5.440.862.131
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.733.727.014	4.502.536.587
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	861.832.215	895.240.700
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	227.408.550	43.084.844
III. Hàng tồn kho	140	V.7	719.658.987	1.480.697.619
1. Hàng tồn kho	141		719.658.987	1.480.697.619
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		292.046.289	496.017.728
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	173.523.563	447.147.024
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		46.065.854	43.811.969
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	72.456.872	5.058.735
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		198.853.492.124	227.578.991.052
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	500.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	500.000.000	500.000.000
II. Tài sản cố định	220		185.984.322.125	211.611.045.470
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	185.942.309.232	211.551.432.573
- Nguyên giá	222		438.077.339.442	450.504.016.742
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(252.135.030.210)	(238.952.584.169)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	42.012.893	59.612.897
- Nguyên giá	228		163.000.000	163.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.987.107)	(103.387.103)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.692.889.104	10.349.024.649
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	10.692.889.104	10.349.024.649
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.277.544.877	1.277.544.877
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	1.277.544.877	1.277.544.877
V. Tài sản dài hạn khác	260		398.736.018	3.841.376.056
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	398.736.018	3.841.376.056
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		205.969.779.781	235.263.661.947

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		86.513.875.614	72.567.234.208
I. Nợ ngắn hạn	310		57.671.404.614	67.964.422.029
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	7.974.010.764	6.817.236.063
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	6.500.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	251.038.208	1.778.300.829
4. Phải trả người lao động	314		2.273.098.000	1.104.316.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	4.003.510.799	472.477.160
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	827.240.956	808.179.880
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	575.660.585	729.377.771
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	35.266.845.302	56.254.534.326
II. Nợ dài hạn	330		28.842.471.000	4.602.812.179
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	42.471.000	63.471.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	28.800.000.000	4.539.341.179
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		119.455.904.167	162.696.427.739
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	119.455.904.167	162.696.427.739
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		348.963.540.000	348.963.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		348.963.540.000	348.963.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		932.107.220	932.107.220
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.272.435.487	5.272.435.487
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(235.712.178.540)	(192.471.654.968)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(192.471.654.968)	(134.650.445.868)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(43.240.523.572)	(57.821.209.100)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		205.969.779.781	235.263.661.947


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập
Thái Bình, ngày 12 tháng 03 năm 2024


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng





Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		61.473.688.339	104.445.873.770
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	61.473.688.339	104.445.873.770
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	87.249.526.807	134.859.379.509
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(25.775.838.468)	(30.413.505.739)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	82.495.667	60.620.953
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.156.039.757	6.759.381.597
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.156.039.757	6.759.381.597
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	11.311.147.515	14.362.650.014
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(42.160.530.073)	(51.474.916.397)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	57.855.869	59.943.561
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.142.330.952	6.406.236.264
13. Lợi nhuận khác	40		(1.084.475.083)	(6.346.292.703)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(43.245.005.156)	(57.821.209.100)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	(4.481.584)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(43.240.523.572)	(57.821.209.100)
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(43.240.523.572)	(57.821.209.100)
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(1.239)	(1.657)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(1.239)	(1.657)


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 12 tháng 03 năm 2024


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng

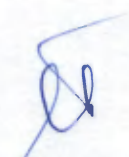

Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc



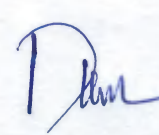
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(43.245.005.156)	(57.821.209.100)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	21.053.517.652	27.750.777.347
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(106.707)	(126.737)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	101.952.672	5.455.008.658
Chi phí lãi vay	06	5.156.039.757	6.759.381.597
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(16.933.601.782)	(17.856.168.235)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(6.279.085.707)	26.693.552.643
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	761.038.632	2.042.746.736
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	6.949.789.367	3.199.889.504
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	3.716.263.499	8.387.505.445
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.724.532.118)	(6.293.549.482)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.598.752)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	20	(13.513.726.861)	16.173.976.611
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(266.573.355)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	10.254.545.454	8.855.976.429
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(87.544.877)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	626.088	89.150.803
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.255.171.542	8.591.009.000
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	63.628.192.216	68.243.677.926
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(60.355.222.419)	(83.908.478.264)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(10.082.980.408)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.272.969.797	(25.747.780.746)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	14.414.478	(982.795.135)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	267.093.417	1.249.761.815
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		106.707	126.737
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	281.614.602	267.093.417


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 12 tháng 03 năm 2024


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000272301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 25 tháng 09 năm 2001. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 cấp ngày 16 tháng 08 năm 2022.

Vốn điều lệ là 348.963.540.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám tỷ, chín trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc tại ngày 25/04/2023 theo Thông báo số 1118/TB-SGDHN ngày 27/03/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Hiện tại, cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu HHG trên thị trường này là ngày 09/05/2023.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ vận tải và kinh doanh thương mại (bàn xe, phụ tùng).

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong năm bao gồm:

- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;
- Kinh doanh ô tô, xăng dầu;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát; và
- Cho thuê văn phòng và cho thuê nhà.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty con				
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

7. Nhân viên

Tổng số lao động của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 195 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 216 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31/12/2023, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền 50.211.252.502 đồng, lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2023 là 235.712.178.540 đồng, lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty đang âm 13.513.726.861 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình hiện tại đã hoàn thành xong giai đoạn giải phóng mặt bằng. Công ty sẽ tập trung nguồn lực để đầu tư, xây dựng Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình theo tiêu chuẩn bến xe khách loại I thành phố Thái Bình. Dự án này hoàn thành sẽ đảm bảo mang lại nguồn thu đáng kể cho Công ty.
- Trong năm, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng số 113/2023/HĐCN-HH-DRAGONVENTURES ngày 29/11/2023 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển DRAGONVENTURES về chuyển nhượng toàn bộ dự án Văn phòng Công ty - Bến xe khách Công ty Cổ phần Hoàng Hà tại số 368 Lý Bôn, Phường Tiên Phong, TP.Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Công ty cũng tìm kiếm thêm nguồn hỗ trợ tài chính với lãi suất ưu đãi từ các cổ đông và Ban lãnh đạo của Công ty.
- Giảm nợ vay các tổ chức tín dụng để giảm chi phí lãi vay phát sinh hàng tháng phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giả định hoạt động liên tục (Tiếp theo)

- Công ty đang tăng cường, điều chỉnh công tác quản lý cho phù hợp như: mở rộng việc khoán doanh thu cho các bộ phận, phòng ban trực tiếp tham gia sản xuất nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh, cải thiện đời sống người lao động và tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng đang tìm kiếm các khoản thu khác như thanh lý với một số xe ô tô cũ, không thích hợp sử dụng. Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh lý một số phương tiện vận tải và thu được toàn bộ số tiền là 4.345.454.545 đồng. Qua đó, có nguồn tài chính để trang trải, đầu tư đổi mới phương tiện vận tải xe khách, nhằm nâng cao năng suất và chất lượng, dịch vụ.
- Công ty thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý, chi phí gián tiếp,.... Ví dụ, Công ty đã xây dựng quy định về sử dụng điện tại cơ quan nhằm hướng dẫn CBCNV có ý thức, trách nhiệm tiết kiệm điện. Thường xuyên kiểm tra công tác tiết kiệm điện trong cơ quan.
- Công ty đã và đang tiếp tục đàm phán, hoãn tiến độ thanh toán với một số nhà cung cấp, tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác để duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp.
- Công ty cũng đang tiếp tục tận dụng một số chính sách hỗ trợ từ Nhà nước để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn cũng như các khoản hỗ trợ đầu tư các dự án đang triển khai của Ngân hàng. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phóng phải thu khó đòi.

Dự phóng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Hệ điều hành taxi và phần mềm chuyển phát nhanh	05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe, chi phí mua bảo hiểm...

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tái sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÀN HỢP NHẤT

1. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	249.847.604	232.279.136
Tiền gửi ngân hàng	31.766.998	34.814.281
Cộng	281.614.602	267.093.417

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.277.544.877	1.277.544.877
Cộng	1.277.544.877	1.277.544.877

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình với gốc ban đầu là 1.190.000.000 đồng (lãi nhập gốc 87.544.877 đồng). Lãi suất là 6,4%/năm. Ngày đáo hạn là ngày 23/06/2024. Khoản tiền gửi này được đảm bảo cho việc xây dựng dự án Bến xe khách phía Tây Thái Bình.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Kim Long - Thái Bình	3.985.588.800	1.998.877.400
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	148.771.413	1.228.706.413
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Nova	-	986.721.107
Khách hàng khác	599.366.801	288.231.667
Cộng	4.733.727.014	4.502.536.587
b) Trong đó khách hàng là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)	196.771.413	1.276.706.413

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Hà Nội	490.000.000	490.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long	282.248.882	334.740.700
Các người bán khác	89.583.333	70.500.000
Cộng	861.832.215	895.240.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÀN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	7.000.000
Phải thu khác	227.408.550	36.084.844
Cộng	227.408.550	43.084.844
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm, phí đăng kiểm xe	159.266.049	436.990.250
Chi phí trả trước khác	14.257.514	10.156.774
Cộng	173.523.563	447.147.024
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	-	2.953.143.805
Công cụ dụng cụ xuất dùng	393.032.519	872.224.216
Chi phí trả trước khác	5.703.499	16.008.035
Cộng	398.736.018	3.841.376.056

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. HÀNG TÓN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	719.658.987	-	890.536.868	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	343.864.455	-
Hàng hoá	-	-	246.296.296	-
Cộng	719.658.987	-	1.480.697.619	-

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Số phải nộp trong năm		Số thực nộp/ bù trừ trong năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu								
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	67.398.137	-	-	67.398.137	-	-	-	-
Thuế môn bài	5.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Thuế, phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	58.735	-	-	-	-	-	58.735	58.735
Cộng	72.456.872	7.000.000	7.000.000	74.398.137	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.058.735
b) Các khoản phải nộp								
Thuế giá trị gia tăng	104.138.411	4.975.094.502	4.975.094.502	6.443.239.361	1.572.283.270	1.572.283.270	1.572.283.270	1.572.283.270
Thuế thu nhập doanh nghiệp	138.774.240	3.598.752	3.598.752	11.679.088	146.854.576	146.854.576	146.854.576	146.854.576
Thuế thu nhập cá nhân	7.521.300	8.099.800	8.099.800	7.650.050	7.071.550	7.071.550	7.071.550	7.071.550
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	760.267.835	760.267.835	806.537.114	46.269.279	46.269.279	46.269.279	46.269.279
Thuế, phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	604.257	191.507.770	191.507.770	196.725.667	5.822.154	5.822.154	5.822.154	5.822.154
Cộng	251.038.208	5.938.568.659	5.938.568.659	7.465.831.280	1.778.300.829	1.778.300.829	1.778.300.829	1.778.300.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	221.549.736.357	28.063.866.344	156.828.188.715	44.062.225.326	450.504.016.742
Thanh lý, nhượng bán	-	(61.057.130)	(11.326.093.170)	(1.039.527.000)	(12.426.677.300)
Tại ngày cuối năm	221.549.736.357	28.002.809.214	145.502.095.545	43.022.698.326	438.077.339.442
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	61.832.760.078	26.360.009.184	127.388.991.883	23.370.823.024	238.952.584.169
Khấu hao trong năm	8.032.328.756	545.409.269	6.618.566.619	5.839.613.004	21.035.917.648
Thanh lý, nhượng bán	-	(61.057.130)	(6.796.296.993)	(996.117.484)	(7.853.471.607)
Tại ngày cuối năm	69.865.088.834	26.844.361.323	127.211.261.509	28.214.318.544	252.135.030.210
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	159.716.976.279	1.703.857.160	29.439.196.832	20.691.402.302	211.551.432.573
Tại ngày cuối năm	151.684.647.523	1.158.447.891	18.290.834.036	14.808.379.782	185.942.309.232

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 162.177.290.638 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 185.147.025.273 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 117.498.091.253 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 116.009.154.692 đồng).

Dự án Văn phòng Công ty - Bến xe khách Công ty Cổ phần Hoàng Hà tại số 368 Lý Bôn, Phường Tiên Phong, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình dự kiến sẽ được chuyển nhượng trong năm 2024 theo Hợp đồng chuyển nhượng số 113/2023/HDCN-HH-DRAGONVENTURES ngày 29/11/2023 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dragonventures.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phản mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	163.000.000	163.000.000
Tại ngày cuối năm	163.000.000	163.000.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu năm	103.387.103	103.387.103
Khấu hao trong năm	17.600.004	17.600.004
Tại ngày cuối năm	120.987.107	120.987.107
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	59.612.897	59.612.897
Tại ngày cuối năm	42.012.893	42.012.893

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Bến xe phía Tây Thái Bình	10.692.889.104	10.349.024.649
Cộng	10.692.889.104	10.349.024.649

Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình được thực hiện theo Hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất số 01/HĐ-SDD ngày 22 tháng 04 năm 2022 (thay thế cho Hợp đồng số 03/HĐ-BOO ngày 12 tháng 02 năm 2018) ký giữa Sở giao thông vận tải Thái Bình và Công ty Cổ phần Hoàng Hà. Quy mô diện tích của dự án là 47.683 m². Thời gian chuẩn bị và thi công xây dựng công trình là 18 tháng kể từ ngày bàn giao toàn bộ mặt bằng dự án cho nhà đầu tư. Thời gian quản lý và khai thác là 50 năm. Tổng vốn đầu tư tạm tính của dự án là 118.983.000.000 đồng. Hiện tại, dự án đã hoàn thiện xong quá trình giải phóng mặt bằng.

Về mặt tiến độ thực hiện, theo Công văn số 3505/STNMT-QLĐĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình, khu đất quy hoạch dự án đầu tư xây dựng bến xe khách phía Tây tiếp giáp với đường gom tuyến tránh S1 và đường quy hoạch số 2. Hiện tại, đường gom tuyến S1 chưa đầu tư xây dựng; đường quy hoạch số 2 UBND tỉnh đã có quyết định giao đất để xây dựng đường nhưng đến nay chưa hoàn thành. Như vậy, khu đất thực hiện dự án chưa có đường vào nên dự án chưa thể tiếp tục thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Vận tải Ngọc Mai	5.004.499.600	5.004.499.600	5.004.499.600	5.004.499.600
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	1.584.651.821	1.584.651.821	62.812.621	62.812.621
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	1.384.859.343	1.384.859.343	1.749.923.842	1.749.923.842
Cộng	7.974.010.764	7.974.010.764	6.817.236.063	6.817.236.063
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)	1.764.020.841	1.764.020.841	138.438.001	138.438.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dragonventures (*)	6.500.000.000	-
Cộng	6.500.000.000	-

(*) Khoản nhận tiền trả trước về chuyển nhượng toàn bộ dự án Văn phòng Công ty - Bến xe khách Công ty Cổ phần Hoàng Hà tại số 368 Lý Bôn, Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo hợp đồng số 113/2023/HĐCN-HH-DRAGONVENTURES ngày 29/11/2023.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí lãi vay	4.003.510.799	445.441.160
Chi phí phải trả khác	-	27.036.000
Cộng	4.003.510.799	472.477.160

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhận trước tiền thuê mặt bằng, thuê quảng cáo trên thân xe bus	827.240.956	808.179.880
Cộng	827.240.956	808.179.880

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	116.510.160	116.510.160
Bảo hiểm xã hội	-	396.162.058
Bảo hiểm y tế	-	29.727.604
Bảo hiểm thất nghiệp	-	11.356.258
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	438.150.425	175.621.691
Cộng	575.660.585	729.377.771
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	42.471.000	63.471.000
Cộng	42.471.000	63.471.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	26.687.256.834	26.687.256.834	20.428.192.216	25.452.241.300	31.711.305.918	31.711.305.918
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	9.087.901.509	9.087.901.509	20.428.192.216	25.452.241.300	14.111.950.593	14.111.950.593
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (ii)	17.599.355.325	17.599.355.325	-	-	17.599.355.325	17.599.355.325
Vay cá nhân, tổ chức	-	-	14.400.000.000	19.000.000.000	4.600.000.000	4.600.000.000
Ông Lưu Tuấn Anh	-	-	-	4.600.000.000	4.600.000.000	4.600.000.000
Các cá nhân khác	-	-	14.400.000.000	14.400.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	8.579.588.468	8.579.588.468			19.943.228.408	19.943.228.408
Cộng	35.266.845.302	35.266.845.302			56.254.534.326	56.254.534.326
Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng là các bên liên quan	-	-			4.600.000.000	4.600.000.000

(xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/416446/HĐTD ngày 03 tháng 11 năm 2023. Ngân hàng cấp cho Công ty hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 9.200.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 03/11/2024. Thời hạn cho vay, lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là các hợp đồng thế chấp cụ thể.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02100/HĐTD/22/00030-VCB ngày 10 tháng 05 năm 2022 với hạn mức cho vay là 20.780.217.829 đồng. Thời gian duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Mục đích vay vốn để tài trợ cho các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải, thương mại, sửa chữa ô tô nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài sản bảo đảm là tài sản gắn liền với đất là công trình văn phòng Công ty - Bến xe phía Tây tại Bến xe Hoàng Hà, số 368, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình và công trình nhà chờ tại Bến xe khách Hoàng Hà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay dài hạn của Công ty	8.579.588.468	8.579.588.468	-	15.902.981.119	24.482.569.587	24.482.569.587
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	4.947.310.444	4.947.310.444	-	7.025.569.232	11.972.879.676	11.972.879.676
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình (ii)	3.632.278.024	3.632.278.024	-	7.686.845.887	11.319.123.911	11.319.123.911
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Thái Bình	-	-	-	1.190.566.000	1.190.566.000	1.190.566.000
Vay dài hạn cá nhân, tổ chức	28.800.000.000	28.800.000.000	28.800.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Hữu Hoan (iii)	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	-	-	-
Ông Lưu Huy Hà (iv)	11.800.000.000	11.800.000.000	11.800.000.000	-	-	-
Trừ: Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	8.579.588.468	8.579.588.468	-	-	19.943.228.408	19.943.228.408
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	4.947.310.444	4.947.310.444	-	-	9.487.946.676	9.487.946.676
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình	3.632.278.024	3.632.278.024	-	-	9.834.113.732	9.834.113.732
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Thái Bình	-	-	-	-	621.168.000	621.168.000
Cộng	28.800.000.000	28.800.000.000	28.800.000.000	4.539.341.179	4.539.341.179	4.539.341.179
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn là các bên liên quan	28.800.000.000	28.800.000.000	28.800.000.000	4.539.341.179	4.539.341.179	4.539.341.179

(xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 021/050/09/0000288/VCB-TB tháng 06 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng 50.000.000.000 đồng để thanh toán cho các chi phí hợp lý, hợp lệ của dự án đầu tư công trình văn phòng - Bến xe khách Công ty CP Hoàng Hà (không bao gồm lãi vay). Thời hạn vay vốn là 144 tháng, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên. Lãi suất vay vốn được quy định theo thông báo của ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư công trình Văn phòng - Bến xe khách Công ty CP Hoàng Hà đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

(ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 14472.16.755.2376838.TD ngày 18 tháng 05 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thái Bình. Khoản vay có hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng để đầu tư mua sắm ô tô mới nguyên chiếc phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách. Thời hạn vay vốn tối đa là 84 tháng, lãi suất vay vốn được quy định tại từng khế ước nhận nợ tại thời điểm. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 89826.17.755.2376838.TD ngày 30 tháng 03 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng là 17.600.000.000 đồng để thanh toán tiền mua 20 xe ô tô chở khách 29 chỗ theo hợp đồng mua bán xe số CV15VSA1215106/AH ngày 17 tháng 12 năm 2015 và phụ lục 05 ngày 13 tháng 02 năm 2017 ký giữa Công ty CP Hoàng Hà và Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam (Giai đoạn 2 - năm 2017); Thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên trên khế ước nhận nợ, lãi suất được quy định tại từng thời điểm nhận nợ; Tài sản đảm bảo là 20 xe ô tô 29 chỗ Fuso Rosa thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Hà.

(iii) Khoản vay dài hạn ông Nguyễn Hữu Hoan theo hợp đồng vay tiền số 004HH/2023 ngày 04/04/2023 với tổng số tiền cho vay theo hợp đồng là 20.000.000.000 đồng. Mục đích để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn khoản vay trong vòng 24 tháng. Lãi suất vay là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(iv) Khoản vay dài hạn ông Lưu Huy Hà theo hợp đồng vay tiền số 005HH/2023 ngày 01/07/2023 với tổng số tiền cho vay theo hợp đồng là 20.000.000.000 đồng. Mục đích để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn khoản vay trong vòng 24 tháng. Lãi suất vay là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	8.579.588.468	19.943.228.408
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	4.539.341.179
Cộng	8.579.588.468	24.482.569.587
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	8.579.588.468	19.943.228.408
Số phải trả sau 12 tháng	-	4.539.341.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(134.650.445.868)	220.517.636.839
Lỗ trong năm	-	-	-	(57.821.209.100)	(57.821.209.100)
Số dư đầu năm nay	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(192.471.654.968)	162.696.427.739
Lỗ trong năm	-	-	-	(43.240.523.572)	(43.240.523.572)
Số dư cuối năm nay	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(235.712.178.540)	119.455.904.167

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	34.896.354	34.896.354
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

Đồng đô la Mỹ (USD)

Số cuối năm	Số đầu năm
135,21	161,61

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh thương mại; bộ phận cung cấp dịch vụ và bộ phận kinh doanh bất động sản (cho thuê).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí phi tiền tệ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Hoạt động thương mại	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động KD bất động sản	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Năm 2023				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	29.563.031.753	26.954.380.146	4.956.276.440	61.473.688.339
Tổng Doanh thu thuần	29.563.031.753	26.954.380.146	4.956.276.440	61.473.688.339
Chi phí phân bổ	33.645.992.139	61.786.383.309	3.128.298.875	98.560.674.322
- Giá vốn hàng bán	28.206.399.653	56.826.782.246	2.216.344.908	87.249.526.807
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.439.592.486	4.959.601.063	911.953.967	11.311.147.515
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(4.082.960.386)	(34.832.003.163)	1.827.977.565	(37.086.985.983)
Doanh thu hoạt động tài chính				82.495.667
Chi phí tài chính				5.156.039.757
Lợi nhuận (lỗ) khác				(1.084.475.083)
Lợi nhuận trước thuế TNDN				(43.245.005.156)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	47.876.271	-	47.876.271
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11.803.355.368	10.761.823.424	1.978.846.169	24.544.024.961
Số dư tại ngày 31/12/2023				
Tài sản bộ phận	617.248.882	200.976.170.686	4.376.360.213	205.969.779.781
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	617.248.882	200.976.170.686	4.376.360.213	205.969.779.781
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	86.513.875.614
Tổng nợ phải trả	-	-	-	86.513.875.614

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 368 đường Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Công ty cũng đều phát sinh tại tỉnh Thái Bình. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU THUẦN VÉ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.473.688.339	104.445.873.770
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.954.380.146	52.473.631.136
- Doanh thu bán hàng hóa	29.563.031.753	47.479.923.593
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.956.276.440	4.492.319.041
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.473.688.339	104.445.873.770

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	56.826.782.246	86.720.905.639
Giá vốn hàng hóa đã bán	28.206.399.653	45.271.115.211
Giá vốn bất động sản	2.216.344.908	2.867.358.659
Cộng	87.249.526.807	134.859.379.509

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	82.388.960	60.494.216
Lãi chênh lệch tỷ giá	106.707	126.737
Cộng	82.495.667	60.620.953

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	5.156.039.757	6.759.381.597
Cộng	5.156.039.757	6.759.381.597

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	4.710.225.608	5.203.587.978
Chi phí phân bổ	712.710.208	2.145.231.417
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.397.668.089	3.951.353.251
Thuế, phí và lệ phí	174.601.309	307.234.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.879.889.259	2.115.766.855
Chi phí bằng tiền khác	436.053.042	639.476.178
Cộng	11.311.147.515	14.362.650.014

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản thu nhập khác	57.855.869	59.943.561
Cộng	57.855.869	59.943.561

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	184.341.632	5.515.502.874
Các khoản phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế	475.272.326	889.791.435
Chi phí khác	482.716.994	941.955
Cộng	1.142.330.952	6.406.236.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Hoàng Hà		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(43.245.005.156)	(57.821.209.100)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	5.823.862.306	8.227.391.517
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	5.823.862.306	8.227.391.517
+ Các khoản phạt	475.272.326	889.791.435
+ Chi phí lãi vay giao dịch liên kết	5.122.350.617	6.743.017.279
+ Chi phí không được trừ khác	226.239.363	594.582.803
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	(37.421.142.850)	(49.593.817.583)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(37.421.142.850)	(49.593.817.583)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh khác	(4.481.584)	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN các năm trước theo biên bản thanh tra thuế	(4.481.584)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(4.481.584)	-
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(305.595.705)	(391.884.687)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	41.197	32.486
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	41.197	32.486
Thu nhập chịu thuế TNDN	(305.554.508)	(391.852.201)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	(4.481.584)	-

9. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(43.240.523.572)	(57.821.209.100)
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty (*)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(43.240.523.572)	(57.821.209.100)
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	34.896.354	34.896.354
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.239)	(1.657)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.239)	(1.657)
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.006.355.773	44.433.264.615
Chi phí nhân công	14.753.377.678	26.383.746.418
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.053.517.652	27.750.777.347
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.019.631.329	3.856.767.292
Chi phí khác bằng tiền	657.629.754	1.526.358.640
Cộng	70.490.512.186	103.950.914.312

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đã thực hiện ký kết các hợp đồng thuê đất, nộp tiền hàng năm với UBND tỉnh Thái Bình như sau:

Hợp đồng thuê đất số 22HĐ/TĐ ngày 14/03/2005 thuê đất tại phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình với mục đích xây dựng bến xe ô tô khách. Thời gian thuê đất từ ngày 09/07/2004 đến ngày 31/12/2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 3.316,7 m². Hợp đồng thuê đất bổ sung số 101/HĐ/TĐ ngày 18/09/2007 điều chỉnh mục đích sử dụng đất từ "Xây dựng và mở rộng trung tâm điều hành, bãi vận chuyển hành khách du lịch - taxi" sang mục đích "xây dựng bến xe ô tô khách".

Hợp đồng thuê đất số 80HĐ/TĐ ngày 30/12/2005 thuê đất tại phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình với mục đích xây dựng rãnh thoát nước kết hợp làm cống phụ. Thời gian thuê đất từ ngày 23/09/2005 đến ngày 31/12/2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 492,1 m².

Hợp đồng thuê đất số 30HĐ/TĐ ngày 21/04/2008 thuê đất thuộc địa giới hành chính tại phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình với mục đích mở rộng bến xe khách. Thời gian thuê đất từ ngày 31/03/2008 đến ngày 31/12/2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 1.267,8 m².

Hợp đồng thuê đất số 37HĐ/TĐ ngày 28/04/2005 thuê đất tại khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình với mục đích xây dựng xưởng sửa chữa - bảo dưỡng xe ô tô, nhà rửa xe liên hoàn, nhà để xe nội bộ, trạm cấp phát xăng dầu nội bộ, kho chứa hàng và phụ tùng. Thời gian thuê đất từ ngày 18/04/2005 đến ngày 31/12/2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 10.000 m².

Hợp đồng thuê đất số 112HĐ/TĐ ngày 27/12/2013 thuê đất tại phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình với mục đích xây dựng trung tâm điều hành, bãi vận chuyển hành khách du lịch - taxi. Thời gian thuê đất từ ngày 20/12/2013 đến ngày 30/12/2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 31,2 m².

Hợp đồng thuê đất số 125HĐ/TĐ ngày 05/12/2007 thuê đất thuộc địa giới hành chính phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình với mục đích mở rộng bến xe khách. Thời gian thuê đất từ ngày 26/10/2007 đến ngày 31/12/2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 5,4 m².

Phụ lục hợp đồng thuê đất số 60 PLHĐ ngày 14/08/2023 điều chỉnh mục đích sử dụng đất nêu tại Hợp đồng thuê đất số 101HĐ/TĐ, 125HĐ/TĐ, 30HĐ/TĐ, 112HĐ/TĐ thành xây dựng văn phòng Công ty - Bến xe khách (Đất thương mại dịch vụ - TMD).

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn của hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	Ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT và cổ đông lớn của Thái Bình Xanh
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	Ông Lưu Huy Hoàng - con trai ông Lưu Huy Hà là đại diện pháp luật của Hoàng Tân
Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT
Các thành viên khác trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty	

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	569.917.040	363.636.360
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	569.917.040	363.636.360
Mua hàng	2.032.692.000	5.432.507.364
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	1.937.950.000	5.272.857.864
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	94.742.000	159.649.500
Đi vay	28.800.000.000	9.600.000.000
Ông Lưu Huy Hà	11.800.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Hoan	17.000.000.000	-
Ông Lưu Tuấn Anh	-	9.600.000.000
Trả gốc vay	4.600.000.000	5.000.000.000
Ông Lưu Tuấn Anh	4.600.000.000	5.000.000.000
Chi phí lãi vay	124.767.000	180.315.452
Ông Lưu Tuấn Anh	124.767.000	180.315.452

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	196.771.413	1.276.706.413
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	148.771.413	1.228.706.413
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	48.000.000	48.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	1.764.020.841	138.438.001
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	1.584.651.821	62.812.621
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	179.369.020	75.625.380
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	4.600.000.000
Ông Lưu Tuấn Anh	-	4.600.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	28.800.000.000	-
Ông Lưu Huy Hà	11.800.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Hoan	17.000.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	183.003.000	58.236.000
Ông Lưu Tuấn Anh	183.003.000	58.236.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Lưu Huy Hà - Chủ tịch HĐQT	201.645.000	195.494.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc	183.287.000	178.504.000
Ông Đinh Văn Thọ - Thành viên HĐQT	83.522.000	153.632.000
Ông Lưu Tuấn Anh - Thành viên HĐQT	94.528.000	95.521.000
Ông Lưu Minh Sơn - Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Văn Sinh - Phó Tổng Giám đốc	52.850.000	-
Bà Nguyễn Thu Hương - Trưởng BKS	90.942.000	104.007.000
Bà Bùi Thị Tâm - Thành viên BKS	118.561.000	125.218.000
Ông Vũ Doãn Quân - Thành viên BKS	89.381.000	118.486.000
Cộng	938.716.000	994.862.000

3. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Số tiền đi vay thực thu trong năm:


- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 63.628.192.216 đồng

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 60.355.222.419 đồng

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.



Nghiêm Thị Hiếu
Người lập
Thái Bình, ngày 12 tháng 03 năm 2024



Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc

